TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2022/DS-PT
Ngày: 19/8/2022
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Ái Đoan**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

Ông **Trần Văn Đạt**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Ph** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Thắm**- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2022/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 193/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị T, sinh năm 1960(Có mặt).
Địa chỉ: ấp TP, xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.
Bị đơn: Nguyễn Thị Tuyết Ph, sinh năm 1971(Vắng mặt).
Địa chỉ: ấp TP, xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Lê Minh C, sinh năm 1990(Có mặt).
Địa chỉ: ấp TP, xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.
Người làm chứng:
1. Ngô Thị M, sinh năm 1953 (Vắng mặt).
2. Trần Thị Thu V, sinh năm 1962 (Vắng mặt).
Cùng địa chỉ: ấp TY, xã Thạnh Trị, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang**.**
Người kháng cáo: Nguyên đơn Trần Thị T và bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà T làm thảo hụi, bà Ph tham gia góp hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi mở ngày 15/3/2020 âm lịch, hụi 2.000.000đ/tháng, có 22 phần, bà Ph tham gia 01 phần, kỳ thứ 06 ngày 15/8/2020 bà Ph hốt số tiền 30.600.000 đồng; bà Ph đóng được 06 kỳ hụi chết từ ngày 15/9/2020 đến ngày 15/02/2021 là 12.000.000 đồng; bà Ph ngưng đóng tiền hụi từ ngày 15/3/2021. Bà Ph còn nợ lại bà Ph 10 kỳ hụi chết là 20.000.000 đồng. Hụi mãn ngày 15/12/2021 âm lịch.

- Dây hụi mở ngày 20/4/2020 âm lịch, hụi 2.000.000đ/tháng, có 22 phần, bà Ph tham gia 01 phần, kỳ thứ 02 ngày 20/5/2020 bà Ph hốt số tiền 29.400.000 đồng. Bà Ph đóng được 10 kỳ hụi chết từ ngày 20/6/2020 đến ngày 20/3/2021 là 20.000.000 đồng; bà Ph ngưng đóng tiền hụi từ ngày 20/4/2021; bà Ph còn nợ bà T 10 kỳ hụi chết là 20.000.000 đồng. Hụi mãn ngày 20/01/2022 âm lịch.

- Dây hụi mở ngày 30/02/2020 âm lịch, hụi 2.000.000đ/tháng, có 21 phần, bà Ph tham gia 01 phần, kỳ thứ 06 ngày 30/7/2020 bà Ph hốt số tiền 28.500.000 đồng. Bà Ph đóng 08 kỳ hụi chết từ ngày 30/8/2020 đến ngày 30/4/2021 là 16.000.000 đồng; ngày 30/5/2021 bà Ph ngưng đóng tiền hụi; bà Ph còn nợ lại bà T 07 kỳ hụi chết là 14.000.000 đồng. Hụi mãn ngày 30/10/2021 âm lịch.

Tổng cộng 03 dây hụi bà Ph còn nợ bà T 54.000.000 đồng. Ngoài ra trước khi bà Ph tham gia các dây hụi nêu trên, bà Ph còn nợ bà Ph số tiền hụi chưa trả là 3.500.000 đồng. Như vậy tổng cộng bà Ph nợ bà T 57.500.000 đồng. Bà T với bà Ph không có làm biên nhận, giấy tờ gì khi giao nhận tiền hụi.

Tại phiên tòa sở thẩm, chị Ng (đại ủy quyền của bà Trần Thị T) yêu cầu bà Ph trả lại cho bà T số tiền hụi 57.500.000 đồng; yêu cầu trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết Ph là anh Lê Minh C trình bày:

Bà T làm thảo hụi, bà Ph có tham gia góp hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi mở ngày 15/3/2020 âm lịch, hụi 2.000.000đ/tháng, có 22 phần, bà Ph tham gia 01 phần, kỳ thứ 06 ngày 15/8/2020 bà Ph hốt số tiền 30.600.000 đồng. Bà Ph đóng cho bà T được 14 kỳ hụi chết từ ngày 15/9/2020 đến ngày 15/10/2021 là 28.000.000 đồng; bà Ph còn nợ bà T 02 kỳ hụi chết là 4.000.000 đồng. Hụi mãn ngày 15/12/2021 âm lịch.

- Dây hụi mở ngày 20/4/2020 âm lịch, hụi 2.000.000đ/tháng, có 22 phần, bà Ph tham gia 01 phần, kỳ thứ 02 ngày 20/5/2020 bà Ph hốt số tiền 29.400.000 đồng. Bà Ph đóng cho bà T được 17 kỳ hụi chết từ ngày 20/6/2020 đến ngày 20/10/2021 là 34.0000000 đồng; bà Ph còn nợ lại bà T 03 kỳ hụi chết là 6.000.000 đồng. Hụi mãn ngày 20/01/2022 âm lịch.

- Dây hụi mở ngày 30/02/2020 âm lịch, hụi 2.000.000đ/tháng, có 21 phần, bà Ph tham gia 01 phần, kỳ thứ 06 ngày 30/7/2020 bà Ph hốt số tiền bao nhiêu bà Ph không nhớ, vì hụi đã mãn. Bà Ph đã đóng đầy đủ tiền hụi chết cho bà T, không còn nợ tiền hụi của bà T của dây hụi mở ngày 30/02/2020 âm lịch.

Hiện nay bà Ph chỉ còn nợ bà T số tiền hụi 10.000.000 đồng. Bà Ph và bà T không có làm biên nhận, giấy tờ gì khi giao nhận tiền hụi.

Bà Ph không có nợ bà T số tiền hụi 3.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh C (đại diện theo ủy quyền của bà Ph) đồng ý trả cho bà T số tiền hụi 10.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng; thời gian trả tiền tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Người làm chứng bà Ngô Thị Mười trình bày:

Bà Mười có tham gia góp hụi do bà T làm thảo hụi, có biết bà Ph có tham gia góp hụi với bà T. Tuy nhiên, việc giao nhận tiền hụi giữa bà T với bà Ph thì bà Mười không có chứng kiến.

Người làm chứng bà Trần Thị Thu V có đơn xin vắng mặt, theo biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2022, bà Vân trình bày:

Bà V có tham gia góp hụi do bà T làm thảo hụi, có biết bà Ph có tham gia góp hụi với bà T. Tuy nhiên, việc giao nhận tiền hụi giữa bà T với bà Ph thì bà V không có chứng kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 130/2022/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 471; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự; Điều 147, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

- Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết Ph có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền hụi 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng);* trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06/6/2022, bị đơn Nguyễn Thị Tuyết Ph có đơn kháng cáo với Tòa án cấp phúc thẩm với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T khởi kiện buộc bà Ph phải trả cho bà T dây hụi ngày 15/3/2020 (âm lịch) là 20.000.000 đồng và dây hụi khui ngày 20/4/2020 (âm lịch) là 20.000.000.

Ngày 07/6/2022,nguyên đơn Trần Thị T có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm với nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bà Nguyễn Thị Tuyết Ph trả lại cho bà T số tiền hụi là 57.500.000 đồng; yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bà T và bà Ph: Xét thấy việc giao dịch hụi giữa hai bên chỉ có bà T mở sổ sách theo dõi, việc bà Ph đóng hụi cho bà T cũng không có lập giấy tờ gì. Do đó nguyên đơn khởi kiện nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Án sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng là không có căn cứ nên đề nghị sửa án sơ thẩm, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 10.000.000 đồng.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết Ph và bà Trần Thị T lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về xác định thẩm quyền và quan hệ tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bà Trần Thị T, bà Nguyễn Thị Tuyết Ph trong thời hạn quy định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T và bà Nguyễn Thị Tuyết Ph:

Bà T là chủ hụi, bà Ph là hụi viên. Bà Ph có tham gia 03 dây hụi do bà T là chủ. Việc giao dịch hụi giữa bà T và bà Ph không có lập sổ sách theo dõi và việc giao nhận tiền giữa hai bên cũng không có giấy tờ gì.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T và anh C thống nhất thời gian bà T bị bể hụi vào tháng 8 năm 2020.

Theo bà T thì bà Ph có tham gia 3 dây hụi 2.000.000 đồng/tháng. Dây thứ nhất mở ngày 15/3/2020 (AL), 22 phần, bà Ph hốt kỳ thứ 6, số tiền hốt hụi là

30.600.000 đồng, đóng lại 6 kỳ, nợ lại 10 kỳ hụi chết là 20.000.000 đồng, hụi mãn ngày 15/12/2021(AL). Dây hụi thứ hai mở ngày 20/4/2020 (AL), 22 phần, bà Ph hốt kỳ thứ 2, số tiền hốt hụi là 29.400.000 đồng, đóng lại 10 kỳ hụi chết, còn nợ lại 10 kỳ hụi là 20.000.000 đồng, hụi mãn ngày 20/01/2022(AL). Dây hụi thứ ba, mở ngày 30/2/2020(AL), 21 phần, bà Ph hốt kỳ thứ 6 được 28.500.000 đồng, đóng lại 8 lần, còn nợ lại 7 kỳ hụi chết là 14.000.000 đồng, hụi mãn ngày 30/10/2021(AL). Anh Lê Minh C là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Tuyết Ph thống nhất với bà T về việc bà Ph tham gia hụi, số phần hụi, kỳ hốt hụi và số tiền hốt hụi dây thứ nhất, thứ hai, còn số tiền hụi còn đã đóng lại thì dây hụi thứ nhất đã đóng lại 14 kỳ, chỉ còn nợ lại 2 kỳ là 4.000.000 đồng, dây hụi thứ hai đã đóng 17 kỳ, còn nợ lại 3 kỳ là 6.000.000 đồng. Đối với dây thứ ba thì thống nhất với bà T về việc tham gia hụi, số phần hụi, thừa nhận bà Ph đã hốt hụi lần thứ 6 nhưng cho rằng là đã đóng xong hụi chết, không còn nợ ở dây hụi thứ 3. Đối với số tiền hụi trước đó là 3.500.000 đồng bà T yêu cầu bà Ph trả thì bà Ph không thừa nhận.

Như vậy, ba dây hụi nêu trên bà Ph đã hốt nên phải có nghĩa vụ đóng lại tiền hụi cho bà T cho đến khi mãn hụi. Bà Ph trình bày đã đóng hụi dây thứ nhất được 14 kỳ, dây thứ hai được 17 kỳ, dây thứ 3 đã đóng xong nhưng không được phía bà T thừa nhận, bà Ph không có chứng cứ gì để chứng minh, ngoài ra việc bà Ph đóng hụi cho bà T thì cũng không có ai chứng kiến. Theo quy định tại khoản 3 Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguồn chứng cứ là lời khai của đương sự. Bà Ph khai bà còn nợ hai dây hụi đầu 10.000.000 đồng, dây hụi thứ 3 đã trả xong nhưng không được phía bà T thừa nhận. Nghĩa vụ chứng minh đóng hụi chết là của bà Ph nhưng bà Ph không chứng minh được và phía bà T cũng không thừa nhận nên lời trình bày của bà Ph là không có căn cứ pháp luật. Do đó việc bà T kiện yêu cầu bà Ph trả tiền ba dây hụi nêu trên là 54.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà Ph trả tiền cho bà T dây hụi thứ nhất và dây hụi thứ hai, không buộc trả dây hụi thứ ba là gây thiệt thòi quyền lợi cho bà T. Đối với số tiền 3.500.000 đồng của những dây hụi khác bà T không có chứng cứ gì để chứng minh, Ph không thừa nhận nên bà T yêu cầu bà Ph trả 3.500.000 đồng này là không có căn cứ. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận việc bà T yêu cầu bà Ph trả số tiền 3.500.000 đồng này là có căn cứ pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, sửa án một phần án sơ thẩm. Buộc bà Ph trả cho bà T số tiền hụi là 54.000.000 đồng. Không chấp nhận kháng cáo của bà Ph.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có một phần phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Bà Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.700.000 đồng. Do sửa án nên bà Ph không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng d0ân sự.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết Ph.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2022/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 471; khoản 1 Điều 468 Bộ Luật dân sự; Điều 147, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

- Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết Ph có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền hụi 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ph phải chịu 2.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0006232 ngày 08/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây tỉnh Tiền Giang nên còn phải nộp tiếp số tiền là 2.400.000 đồng.

Miễn án phí cho bà Trần Thị T.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ái Đoan